

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **113/2019/DS-PT**

Ngày: 11/7/2019

V/v: “ tranh chấp hợp đồng vay tài sản ”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thành Dương

Các Thẩm phán: Bà Phạm Thị Xuân Đào

Bà Đỗ Thị Nhung

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Huy Hoàng – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:
Ông Phan Quốc Phong - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 130/2019/TLPT-DS ngày 06 tháng 6 năm 2019 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 12/2019/DS-ST ngày 09/4/2019 của Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 137/2019/QĐ-PT ngày 10 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1960.

Địa chỉ: Số A, tổ B, khu phố C, thị trấn D, huyện Đ, tỉnh E.

Người đại diện theo ủy quyền: anh Dương Đức V, sinh năm 1982, địa chỉ: F khu phố G, phường H, thành phố I, tỉnh E (văn bản ủy quyền ngày 28/6/2019)

- Bị đơn: ông Nguyễn Thanh B, sinh năm 1973.

Bà Lê Thị H, sinh năm 1971.

Cùng địa chỉ: Tổ F, khu phố C, thị trấn D, huyện Đ, tỉnh E.

(Bà T, anh V, ông B và bà H có mặt tại phiên tòa phúc thẩm).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại đơn khởi kiện ngày 05-12-2018, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:* Do có quen biết nên bà có cho vợ chồng ông Nguyễn Thanh B, bà Lê Thị H vay tiền nhiều lần tổng cộng đến ngày 20-01-2018 là 650.000.000 đồng, có viết “Giấy mượn tiền”, lãi suất 2%/tháng, hẹn đến ngày 20/12/2018 sẽ trả hết nợ gốc và lãi. Nhưng từ ngày vay đến nay, ông B, bà H không trả tiền. Bà yêu cầu vợ chồng ông Nguyễn Thanh B và bà Lê Thị H trả số tiền nợ gốc là 650.000.000 đồng và trả lãi suất theo quy định pháp luật, tính từ ngày 20-01-2018 đến ngày xét xử sơ thẩm và lãi suất trong giai đoạn thi hành án.

- *Bị đơn vợ chồng ông Nguyễn Thanh B và bà Lê Thị H trình bày:* Trước đây, bà H có dẫn người đến mua bảo hiểm do bà Nguyễn Thị Th làm đại lý bán. Bà Th cho người mua vay 20.000.000 đồng/người để mua một hợp đồng bảo hiểm, mỗi hợp đồng bà T bán từ 15.000.000 – 17.000.000 đồng, bà T đưa lại cho người mua từ 3.000.000 – 5.000.000 đồng, mỗi ngày người mua phải đóng cho bà T 250.000 đồng, đóng 100 ngày là xong 01 hợp đồng. Nếu bán được một hợp đồng bảo hiểm thì bà T cho bà Hoa từ 100.000 - 200.000 đồng là tiền xăng xe đi lại thu tiền bảo hiểm cho bà T. Nếu người nào không đóng tiền cho bà T thì bà H là người đứng ra chịu khoản tiền đó. Sau đó, người mua không đóng tiền, bà H không có tiền nộp cho bà T. Bà H không biết chữ, nên ngày 20/01/2018, ông B đã viết “Giấy mượn tiền” bà T với số tiền là 650.000.000 đồng, trong giấy có chữ ký của ông B và điểm chỉ của bà H. Số tiền này không phải là tiền vợ chồng ông bà vay của bà T mà là tiền nợ bảo hiểm và lãi suất cộng dồn lại viết thành “Giấy mượn tiền”. Do đó, ông bà chỉ chấp nhận trả cho bà Nguyễn Thị T tiền bảo hiểm còn nợ là 100.000.000 đồng.

Tại bản án sơ thẩm số 12/2019/DS-ST ngày 09/4/2019 của Tòa án nhân dân huyện Đ quyết định: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc vợ chồng ông Nguyễn Thanh B và bà Lê Thị H trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền 808.789.953 đồng, trong đó 650.000.000 đồng tiền nợ gốc và 158.789.953 đồng tiền lãi. Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 19/4/2019 ông Nguyễn Thanh B nộp đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

- *Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh E phát biểu ý kiến:* Về việc chấp hành pháp luật tố tụng, từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử tại phiên tòa, Thẩm phán chủ tọa và Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của pháp luật. Các đương sự tham gia phiên tòa đảm bảo đúng thủ tục, quyền, nghĩa vụ theo quy định. Về nội dung kháng cáo: Ông B kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ nào chứng minh mối liên hệ giữa việc bà T và vợ chồng ông có nợ tiền bảo hiểm của nhau, không có chứng cứ nào chứng minh vợ chồng ông nợ của những người mua bảo hiểm của bà T nên không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của ông B. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự giữ nguyên bản án sơ

thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đơn kháng cáo của Nguyễn Thanh B làm trong hạn luật định, đóng tạm ứng án phí đúng quy định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Thẩm quyền giải quyết vụ án, quan hệ pháp luật và tư cách tham gia tố tụng đã được Tòa án nhân dân huyện Đ xác định đúng và đầy đủ..

[3] Về nội dung kháng cáo của ông Bình: Việc vợ chồng bà Lê Thị H và ông Nguyễn Thanh B ký vào giấy vay tiền 650.000.000 đồng, lãi suất 2% một tháng của bà Nguyễn Thị T là có thật, nội dung giấy vay tiền do chính ông B viết, mục đích vay số tiền là để có vốn làm ăn, buôn bán, và phần cuối giấy vay tiền vợ chồng ông cùng ký tên, đây là sự thật khách quan được tất cả các đương sự thừa nhận. Ông B, bà H cho rằng giấy vay tiền là giả tạo, vì ông bà lỡ giới thiệu một số người mua bảo hiểm của bà T nên bị bà T buộc viết giấy vay tiền này nhưng không có chứng cứ nào chứng minh. Ngoài ra, không có chứng cứ nào để chứng minh bà H đã giới thiệu được bao nhiêu người mua bảo hiểm cho bà T và ông B, bà H nhận nợ của bao nhiêu người, tên tuổi địa chỉ của họ ở đâu cũng không chứng minh được số tiền 650.000.000 đồng là tổng cộng của những khoản tiền nợ của ai mà vợ chồng bà H, ông B bị ép buộc nhận nợ thay.

[4] Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai phù hợp với chứng cứ và kết quả tranh tụng tại phiên tòa nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Thanh B, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 12/2019/DS-ST ngày 09/4/2019 của Tòa án nhân dân huyện Đ.

Áp dụng Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc vợ chồng ông Nguyễn Thanh B và bà Lê Thị H trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền 808.789.953 (*Tám trăm lẻ tám triệu bảy trăm tám mươi chín nghìn chín trăm năm mươi ba*) đồng, trong đó 650.000.000 (*Sáu trăm năm mươi triệu*) đồng tiền nợ gốc và 158.789.953 (*Một trăm năm mươi tám triệu bảy trăm tám mươi chín nghìn chín trăm năm mươi ba*) đồng tiền lãi suất.

Kể từ ngày 10-4-2019 cho đến khi thi hành xong, vợ chồng ông Nguyễn Thanh B và bà Lê Thị H còn phải chịu khoản tiền lãi suất của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, đối với số tiền nợ gốc chưa thanh toán.

2. Về án phí:

Buộc vợ chồng ông Nguyễn Thanh B và bà Lê Thị H nộp 36.236.000 đồng (*Ba mươi sáu triệu hai trăm ba mươi sáu nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Th 15.000.000 (*Mười lăm triệu*) đồng tiền tạm ứng án phí, bà Th nộp theo Biên lai thu số 007009 ngày 25-12-2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ.

Ông Nguyễn Thanh B phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự phúc thẩm, trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 7362 ngày 19/4/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm, có hiệu lực kể từ ngày tuyên án

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Cục thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai;
- Tòa án nhân dân huyện Đ;
- Chi cục Thi hành án huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu án văn; hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thành Dương